

THÔNG TƯ số 60/2000/TT-BTC ngày 20/6/2000 hướng dẫn thủ tục thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ về phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 92/1999/NĐ-CP ngày 04/9/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải;

Sau khi thống nhất với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu, nộp tiền phạt, quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Toàn bộ tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải phải nộp vào ngân sách nhà nước qua hệ thống Kho bạc nhà nước. Nguồn thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được để lại 100% cho ngân sách địa phương quản lý, sử dụng theo quy định tại Thông tư này.

2. Cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bị xử phạt tiền có trách nhiệm nộp tiền vào Kho bạc nhà nước ghi trong quyết định xử phạt. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có thể nộp tiền phạt bằng ngoại tệ chuyển đổi theo tỷ giá hạch toán do

Bộ Tài chính thông báo tại thời điểm nộp phạt. Thời hạn nộp tiền phạt không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xử phạt.

3. Biên lai thu tiền phạt do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành và được quản lý, sử dụng theo chế độ quy định hiện hành.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. THỦ TỤC THU, NỘP TIỀN PHẠT

1. Người có thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải phải ra quyết định xử phạt.

Quyết định xử phạt phải lập thành 3 (ba) bản: 1 bản giao cho người bị xử phạt; 1 bản gửi cho Kho bạc nhà nước nơi nộp tiền phạt và một bản lưu tại cơ quan người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt.

Trường hợp mức xử phạt từ 2.000.000 đồng trở lên, phải lập thêm 1 bản quyết định xử phạt gửi cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đóng trụ sở cơ quan của người ra quyết định xử phạt.

2. Tổ chức thu tiền phạt.

2.1. Trường hợp nộp tiền phạt trực tiếp vào Kho bạc nhà nước:

- Kho bạc nhà nước có trách nhiệm thu và tổ chức thu tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

- Căn cứ để thu tiền phạt là quyết định xử phạt của người có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 92/1999/NĐ-CP ngày 04/9/1999 của Chính phủ.

- Kho bạc nhà nước khi thu tiền phạt phải cấp biên lai thu tiền phạt cho cá nhân, tổ chức vi phạm để chứng nhận đã thu đủ tiền phạt theo mức ghi trong quyết định xử phạt.

2.2. Trường hợp những đối tượng nộp phạt không có điều kiện nộp phạt trực tiếp vào Kho bạc nhà nước thì cơ quan Kho bạc nhà nước có thể ủy quyền cho cơ quan xử phạt tiến hành thu tiền phạt. Việc ủy quyền thu phạt phải có hợp đồng ký kết giữa đơn vị Kho bạc nhà nước trực tiếp ủy quyền với đơn vị được ủy quyền theo quy định tại Thông tư số 63/TC-CSTC ngày 11/9/1999 của Bộ Tài chính.

Định kỳ, ngày thứ 2 đầu mỗi tuần, cơ quan được ủy quyền thu phạt, nộp tiền phạt thu được vào Kho bạc nhà nước.

Cơ quan được ủy quyền thu phạt có trách nhiệm nhận, sử dụng, bảo quản và quyết toán biên lai thu tiền phạt theo đúng quy định của Kho bạc nhà nước.

3. Định kỳ hàng tháng, cơ quan của người ra quyết định xử phạt và Kho bạc nhà nước tiến hành đối chiếu số tiền đã xử phạt theo quyết định với số tiền phạt thực tế Kho bạc nhà nước đã thu, báo cáo Sở Tài chính Vật giá.

B. QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

1. Toàn bộ số tiền thu về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được nộp vào ngân sách nhà nước theo chương 070, loại 09, khoản 03, mục 051, tiểu mục 14 của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành và được để lại 100% cho ngân sách địa phương.

2. Số tiền phạt thu được, phân bổ và sử dụng như sau:

2.1. Trích 30% đưa vào cân đối chung của ngân sách địa phương.

2.2. Trích 5% chi cho Kho bạc nhà nước thực hiện việc thu phạt (bao gồm cả phí cho người được ủy quyền thu phạt do Kho bạc nhà nước ủy quyền theo quy định).

2.3. Trích 65% cho Cảng vụ Hàng hải để sử dụng vào các mục đích sau:

- Chi cho công tác tổ chức các đoàn kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực hàng hải.

- Chi mua sắm, trang bị, nâng cao chất lượng phương tiện cho công tác kiểm tra các hoạt động cho lĩnh vực hàng hải.

- Chi phí cho việc chuyên chở, bảo quản các hiện vật thu giữ chờ xử lý.

- Chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong hoạt động hàng hải.

- Chi cho công tác học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo chuyên môn cho cán bộ thanh tra viên trực tiếp làm công tác an toàn hàng hải.

- Chi cho việc in ấn tài liệu phục vụ cho việc phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

- Chi bồi dưỡng làm ngoài giờ; chi thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác vận động tuyên truyền, giáo dục, phát hiện và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải.

3. Quản lý kinh phí ngân sách từ tiền thu phạt:

3.1. Hàng tháng, căn cứ số tiền phạt thu được, Sở Tài chính Vật giá phân bổ và cấp phát kịp thời kinh phí cho các đơn vị theo tỷ lệ quy định tại Thông tư này.

3.2. Trình tự lập dự toán, cấp phát và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước.

3.3. Các đơn vị sử dụng kinh phí có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí này theo chế độ quản lý tài chính hiện hành.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Kho bạc nhà nước có trách nhiệm tổ chức thu tiền phạt kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng nộp phạt vi phạm hành chính. Thực hiện theo dõi, hạch toán khoản thu, chi tiền phạt theo đúng chế độ quản lý tài chính của Nhà nước.

3. Sở Tài chính Vật giá các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý, cấp phát kinh phí ngân sách từ tiền thu phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải cho các đơn vị theo đúng quy định tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

VŨ VĂN NINH

THÔNG TƯ số 61/2000/TT-BTC ngày 22/6/2000 hướng dẫn bổ sung Thông tư liên tịch số 416/1999/TTLT/BKH-UBDTMN-BTC-BXD ngày 29/4/1999 về một số vấn đề tài chính.

Căn cứ Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa;

Căn cứ Quyết định số 197/1999/QĐ-TTg ngày 30/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 416/1999/TTLT/BKH-UBDTMN-BTC-BXD ngày 29/4/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn

chế độ quản lý đầu tư và xây dựng công trình hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa;

Sau khi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Xây dựng; Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung một số vấn đề về tài chính tại Thông tư liên tịch số 416/1999/TTLT/BKH-UBDTMN-BTC-BXD ngày 29/4/1999 về việc hướng dẫn chế độ quản lý đầu tư và xây dựng công trình hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa như sau:

1. Việc quản lý đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa và trung tâm cụm xã theo kế hoạch năm 2000 tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 416/1999/TTLT/BKH-UBDTMN-BTC-BXD ngày 29/4/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng.

2. Ngoài ra, bổ sung thêm một số nội dung sau:

2.1. Các chi phí lập báo cáo đầu tư, thiết kế, lập dự toán, thẩm định, giám sát thi công của Ban quản lý dự án huyện, xã; thẩm định quyết toán và nghiệm thu công trình; chi đền bù đất đai, bồi thường thiệt hại hoa màu, giải phóng mặt bằng, chi phí lán trại (nếu có) được tính và thanh toán trong dự toán của công trình.

2.2. Chi cho công tác quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng của xã được cân đối và chi trong dự toán chi sự nghiệp hàng năm của ngân sách địa phương; kinh phí quản lý chương trình và hoạt động của Ban chỉ đạo chương trình của các cấp chính quyền địa phương được cân đối và chi trong dự toán chi quản lý hành chính hàng năm của ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm phân bổ và đảm bảo kinh phí cho từng cấp (tỉnh, huyện, xã).

2.3. Các nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng ở các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa và trung tâm cụm xã theo kế hoạch năm 2000 được cấp phát bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; đồng thời Bộ Tài chính có công văn